

Bản án số:285/2020/HSST
Ngày:16/12/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lập

Các hội thẩm nhân dân : Ông: Trần Quốc Sơn

Ông Trần Quốc Khánh

- Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mai Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 312/2020/HSST ngày 25/11/2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 303/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, (tên gọi khác Nguyễn Văn C1), sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Tự do; Văn hoá 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1971) và bà Trần Thị K (sinh năm 1974). Tiền án, tiền sự theo danh chỉ bản số 00000473 lập ngày 17/07/2020 tại Công an quận Nam Từ Liêm, Hà Nội và lý lịch cá nhân bị cáo C có Bản án số 46 ngày 22/8/2014, Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng về tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản 2.600.000đồng). Bản án số 258 ngày 30/9/2016, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (giá trị tài sản 14.500.000đồng), chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/12/2017. Chưa thi hành khoản tiền bồi thường dân sự nên chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2020, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989. HKTT: Thôn Q, xã V, huyện B, thành phố Hà Nội. Chỗ ở: Tổ dân phố số 4, H.T, phường P, quận N, thành phố Hà Nội, vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 05/2020, Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị N (sinh năm: 1989, HKTT: xã V, huyện B, Hà Nội) có quen biết nhau qua mạng xã hội zalo rồi nảy sinh tình cảm và về ở cùng nhau tại ngõ 173 đường X, phường P, quận N, Hà Nội. Quá trình chung sống, cả hai đã nhiều lần có quan hệ tình dục với nhau và khi quan hệ tình dục, C đã dùng điện thoại quay lại clip quan hệ với N để làm kỷ niệm. Đến khoảng đầu tháng 06/2020, chị N chấm dứt quan hệ với C để quay về với gia đình (do chị N đã có chồng con). Do không có tiền để chi tiêu cá nhân nên C đã nảy sinh ý định dùng clip quan hệ tình dục với N để đe dọa chiếm đoạt tài sản của chị N. Ngày 14/7/2020, C đã dùng số điện thoại 0906295042 và sử dụng tài khoản zalo có tên “G” để gọi điện, nhắn tin đến tài khoản zalo của chị N có tên “C. L. H” và gửi 02 clip ghi lại cảnh quan hệ tình dục giữa C và chị N đe dọa và yêu cầu chị N phải đưa cho C số tiền 20.0000.000 đồng, nếu không đưa tiền thì C sẽ gửi clip trên cho gia đình chị N và đưa lên mạng xã hội nên chị N đồng ý đưa tiền nhưng N nói với C chỉ chuẩn bị được khoảng 10.000.000 đồng, C đồng ý và hai bên hẹn giao tiền ở khu vực cổng UBND phường Đ, quận N, Hà Nội. Khoảng 19 giờ ngày 17/7/2020, chị N đến khu vực cổng UBND phường Đ, quận N, Hà Nội gặp và đưa cho C số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, C đã viết giấy cam kết cho chị N với nội dung đã nhận đủ số tiền và đưa điện thoại để chị N tự xóa 02 clip quan hệ tình dục giữa N và C. Sau đó, do chị N lo sợ C sẽ tiếp tục sử dụng các clip quan hệ tình dục giữa chị N và C để đe dọa tổng tiền nên chị N đã đến Cơ quan Công an để trình báo sự việc.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn C khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ: Thu giữ của chị Nguyễn Thị N: 01 USB bên trong có chứa 01 video clip; 01 tập giấy in nội dung tin nhắn chứa nội dung đe dọa của C; 01 giấy cam kết do Nguyễn Văn C viết. Thu giữ của Nguyễn Văn C: 01 điện thoại OPPO F11 Pro và 10.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số: 8893/KLGD-PC09-Đ4 ngày 15/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội, xác định: chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Văn C trên mẫu cần giám định ký hiệu A với chữ viết, chữ ký đứng tên

Nguyễn Văn C trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người viết và ký ra.

Ngày 09/9/2020, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 108, trao trả lại cho chị Nguyễn Thị N số tiền 10.000.000đồng. Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Nguyễn Văn C phải bồi thường về dân sự.

Bản cáo trạng số 317/CT-VKS ngày 25/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại điểm e khoản 1 điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm trong phần luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng số 317/CT-VKS ngày 25/11/2020 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 170, Điều 38, Điều 47, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 4 đến 5 năm tù;

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo;

Tịch thu sung quỹ Nhà Nước một điện thoại Oppo F11 Pro màu tím trắng số Imei 863980044596855/863980044596848 gắn sim số 0906295042.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, các biên bản giao nhận tài liệu đồ vật lập ngày 17 tháng 7 năm 2020, sơ đồ hiện trường, phù hợp với bản Kết luận giám định số 8893/KLGD-PC09 – Đ4 ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội và phù hợp với các biên bản, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

[3] Những chứng cứ trên đây đã có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 19 giờ ngày 17/7/2020, tại khu vực cổng UBND phường Đ, quận N, Hà Nội, Nguyễn Văn C đã có hành vi dùng clip quan hệ tình dục để đe dọa uy hiếp tinh thần, chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989. HKTT: Thôn Q, xã V, huyện B, thành phố Hà Nội. Chỗ ở: Tổ dân phố số 4, H.T, phường P, quận N, thành phố Hà Nội. Bị cáo C đã có các Bản án số 46 ngày 22/8/2014, Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng về tội Trộm cắp tài sản và Bản án số 258 ngày 30/9/2016, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo C thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội Cường đoạt tài sản theo quy định tại điểm e khoản 2 điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015. Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo C là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội và bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo C là đối tượng có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt tù về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng khi ra trại bị cáo không chịu khó làm ăn lương thiện. Để có tiền ăn tiêu bị cáo đã dùng thủ đoạn đe dọa, vô đạo đức để cưỡng đoạt tài sản của chị N do vậy đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi lượng hình phạt xét: Bị cáo C đã ra đầu thú, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, kinh tế khó khăn vì vậy Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thị N đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường dân sự nên không xem xét.

[7] Vật chứng của vụ án đã bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự quận N gồm: 01 điện thoại OPPO F11 Pro màu tím trắng số Imei 863980044596855/863980044596848 gắn sim số 0906295042 đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà Nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 170, Điều 38, Điều 47, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 2 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Văn C1.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội Cường đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 04 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2020.

Vật chứng của vụ án: Tịch thu sung quỹ Nhà Nước một điện thoại OPPO F11 Pro màu tím trắng số Imei 863980044596855/863980044596848 gắn sim số 0906295042 hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận N đang quản lý theo biên bản bàn giao vật chứng số 64 ngày 25/11/2020.

Bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại chị Nguyễn Thị N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận :

- Bị cáo;Người bị hại;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND TPHN;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận N;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Trung Lập

